

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ PHƯƠNG ĐÔNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ PHƯƠNG ĐÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ORIENTAL BUSINESS AND TECHNOLOGY CORPORATION

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110443043

**3. Ngày thành lập:** 08/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 21 ngõ 213 Giáp Nhất, Tổ 2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 094 8491560

Fax:

Email: moonfairy1503@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh). | 8230        |
| 2.  | Đào tạo sơ cấp<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                             | 8531        |
| 3.  | Đào tạo trung cấp<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                          | 8532        |
| 4.  | Đào tạo cao đẳng<br>Chi tiết: Đào tạo trình độ cao đẳng                                                                                                                                                                                                    | 8533        |
| 5.  | Đào tạo đại học<br>Chi tiết: Cơ sở đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                         | 8541(Chính) |
| 6.  | Đào tạo thạc sỹ<br>Chi tiết: Cơ sở đào tạo thạc sỹ                                                                                                                                                                                                         | 8542        |
| 7.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                              | 8551        |
| 8.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                | 8552        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Dạy các khóa dành cho học sinh yếu kém; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại ; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính; Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Việc giảng dạy có thể được tiến hành ở nhiều môi trường khác nhau như ở các đơn vị hoặc theo điều kiện học của khách hàng, các tổ chức giáo dục, nơi làm việc hoặc tại nhà, có thể thông qua như tivi, internet, ở các phòng học hoặc qua các phương tiện khác. Việc dạy học này không dẫn đến được cấp bằng tốt nghiệp trung học hoặc bằng tốt nghiệp đại học | 8559 |
| 10. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: - Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.<br>- Dịch vụ tư vấn du học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8560 |
| 11. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Trừ tư vấn luật, tài chính, kế toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6619 |
| 12. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7020 |
| 13. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7221 |
| 14. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn<br>Chi tiết: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực ngôn ngữ học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7222 |
| 15. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch, dịch thuật ( Trừ loại Nhà nước cấm); Hoạt động tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục và các công nghệ trong tất cả các lĩnh vực khác từ Hàn, Nhật, Trung Quốc về Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7490 |
| 16. | In ấn<br>Chi tiết; Dịch vụ in ấn (trừ in tiền và các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1811 |
| 17. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (không hoạt động tại trụ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5510 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>(Loại trừ hoạt động của các trung tâm giới thiệu, môi giới lao động, việc làm)                                                                                                                                                                                       | 7810 |
| 19. | Cung ứng lao động tạm thời<br>Chi tiết: Phát triển nguồn nhân lực; Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước Dịch vụ cung ứng và quản lý nhân sự (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động, cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài và cho thuê lại lao động); | 7820 |
| 20. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7830 |
| 21. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa                                                                                                                                                                                                             | 7990 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông             | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức               | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN<br>KHÁNH<br>PHƯƠNG | 8K5 TT Bách<br>Khoa, Phường<br>Bách Khoa, Quận<br>Hai Bà Trưng,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 31.000        | 310.000.000              | 31,000       | 0010700013<br>57                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                  | Tổng số                            | 31.000        | 310.000.000              | 31,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                  |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                                      |                                    |        |             |        |                  |
|---|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 2 | NGHIÊM<br>THÚY HẰNG | Số 611 Phố Bạch<br>Đằng, Phường<br>Chương Dương,<br>Quận Hoàn Kiếm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 29.000 | 290.000.000 | 29,000 | 0011710076<br>38 |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                      | Tổng số                            | 29.000 | 290.000.000 | 29,000 |                  |
| 3 | NGUYỄN<br>ANH TÚ    | Thôn 3, Xã Xuân<br>Quan, Huyện Văn<br>Giang, Tỉnh Hưng<br>Yên, Việt Nam                              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | 0330790055<br>42 |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                      | Tổng số                            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |                  |
| 4 | TẠ TIẾN<br>HÙNG     | Số 34 TT CĐDL,<br>Tổ 14 , Phường<br>Nghĩa Đô, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 | 0330480017<br>92 |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                      | Tổng số                            | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 |                  |

|   |                |                                                                                  |                                    |        |             |        |                  |
|---|----------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 5 | NGUYỄN THẾ LÂN | Thôn Phú Thụy,<br>Xã Phú Thị,<br>Huyện Gia Lâm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | 0010860219<br>02 |
|   |                |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                |                                                                                  | Tổng số                            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                      |              |                                                                                                                                             |            |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN KHÁNH PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 22/08/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001070001357

Ngày cấp: 16/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 8K5 TT Bách Khoa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 8K5 TT Bách Khoa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội